TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: 06/2026/QĐST-DS	

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 299; Điều 304; Điều 307; Điều 317, Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 323; Điều 325; Điều 429; Điều 470 -Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27; Điều 37-Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 -Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 571/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"*

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng N2 (A1); địa chỉ trụ sở: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Toàn V:* Ông Nguyễn Huy S - Chức vụ: Giám đốc A1 Chi nhánh H.

- *Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của ông Nguyễn Huy S:* Bà Nguyễn Thị Phương A - Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng A1 Chi nhánh H.

Địa chỉ: Thôn S, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

* *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

-Bà Ngọ Thị N, sinh năm 1974 (là vợ ông T)
-Chị Trần Thị N1, sinh năm 1994 (là con ông T)
-Chị Trần Thị Á, sinh năm 1996 (là con ông T)
-Chị Trần Thị S1, sinh năm 1998 (là con ông T)
-Anh Trần Đức Đ, sinh năm 2004 (là con ông T)
Cùng cư trú tại: Thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
(Bà N, chị N1, chị Á, chị S1, anh Đ đều ủy quyền cho ông Trần Văn T)
2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về nghĩa vụ trả nợ: Vợ chồng ông Trần Văn T và bà Ngọ Thị N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Trần Thị N1, chị Trần Thị Á, chị Trần Thị S1, anh Trần Đức Đ) có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N2 chi nhánh H số tiền tạm tính đến ngày 07/01/2026 là: 204.770.698 đồng (Bằng chữ: Hai trăm linh tư triệu, bẩy trăm bẩy mươi nghìn, sáu trăm chín tám đồng). Trong đó: Nợ gốc: 167.100.000 đồng; Nợ lãi: 37.670.698 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2505LAV202301257 ngày 06/4/2023.

Kể từ ngày 08/01/2026, buộc bà Vợ chồng ông Trần Văn T và bà Ngọ Thị N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị N1, chị Trần Thị Á, chị Trần Thị S1, anh Trần Đức Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán phần nợ lãi, phát sinh theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2505LAV202301257 ngày 06/4/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Thời hạn trả nợ vào ngày 06 tháng 02 năm 2026.

*Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực Pháp luật mà ông Trần Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên và lãi phát sinh thì A1 Chi nhánh H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có biện pháp theo quy định của pháp luật và tiến hành kê biên, phát mại tài sản đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 2, diện tích 594.3m^2 tại thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 20230409/HĐTC ngày 06/4/2023để thu hồi nợ Ngân hàng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trần Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trần Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

**Về án phí dân sự:* Vợ chồng ông Trần Văn T, bà Ngọ Thị N, chị Trần Thị N1, chị Trần Thị Á, chị Trần Thị S1, anh Trần Đức Đ có nghĩa vụ liên đới chịu cả số tiền án phí dân sự là 5.119.267 đồng (Năm triệu, một trăm mười chín nghìn,hai trăm sáu bẩy đồng)

*Về chi phí xem xét thẩm định tài sản tại chỗ: Vợ chồng ông Trần Văn T, bà Ngọ Thị N, chị Trần Thị N1, chị Trần Thị Á, chị Trần Thị S1, anh Trần Đức Đ có nghĩa vụ liên đới chịu cả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Do Ngân hàng N2 (A1) chi nhánh H đã tạm ứng số tiền trên, nên vợ chồng ông Trần Văn T, bà Ngọ Thị N, chị Trần Thị N1, chị Trần Thị Á, chị Trần Thị

S1, anh Trần Đức Đ có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 2.000.000 đồng cho Ngân hàng N2 (A1) chi nhánh H.

-Hoàn trả Ngân hàng N2 (A1) chi nhánh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.537.397đồng (Năm triệu, năm trăm ba mươi bẩy, ba trăm chín bẩy đồng) theo biên lai số 0004583 ngày 12/12/2025, tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Sự